

Bản án số: 24/2021/HS-ST

Ngày: 18 - 6 - 2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hạnh;

2. Bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Thanh Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 20/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021, Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 17/2021/TB-TA ngày 21/5/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 52/2021/TB-TA ngày 14/6/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn T**, sinh ngày 20/02/1998 tại huyện B, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú: thôn L, xã K, huyện B, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền sự: Không.

Tiền án:

+ Bản án số 31/2016/HS-ST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Nguyễn Văn T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (T thực hiện 03 hành vi bao gồm: Ngày 26/5/2016 chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.200.000đ; ngày 12/6/2016 chiếm đoạt tài sản có giá trị 1.100.000đ và ngày 04/7/2016 chiếm đoạt tài sản có giá trị 3.237.000đ, tổng cộng 6.537.000đ). T chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/4/2017; Chưa chấp hành phần bồi thường dân sự và án phí.

+ Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T xử phạt Nguyễn Văn T 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (hành vi thực hiện ngày 26/10/2018 chiếm đoạt tài sản có giá trị 5.015.000đ).

+ Bản án số 24/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Nguyễn Văn T 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (hành vi thực hiện ngày 10/10/2018 chiếm đoạt tài sản có giá trị 700.000đ) tổng hợp hình phạt 13 tháng tù của Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, buộc Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 20 tháng tù. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/6/2020; Chưa chấp hành phần bồi thường dân sự và án phí.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/10/2020 đến nay tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương. *Có mặt tại phiên tòa.*

- **Bị hại:** Chị Vũ Thị H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

+ Bà Lê Thị C, sinh năm 1973.

+ Ông Ngô Đức K, sinh năm 1970.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương (Đều vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều tối ngày 18/10/2020, Nguyễn Văn T chơi điện tử tại quán Internet T ở thôn T, xã M, huyện B. Chơi đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày Trung đi bộ sang quán bán hàng ăn của gia đình bà Lê Thị C ở bên cạnh quán Internet T để mua đồ ăn nhưng gia đình bà C không còn bán hàng nên T quay ra ngoài. T phát hiện tại bàn phía trong cùng của quán có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng đang sạc pin (điện thoại của chị Vũ Thị H là con dâu bà C) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. T quay lại quán Internet T thoát tài khoản game, trả tiền rồi tiếp tục đi sang quán ăn nhà bà C. Quan sát thấy không có người, T đi vào bàn rút sạc pin lấy chiếc điện thoại của chị H rồi cất vào túi quần phía trước bên phải và đi ra ngoài. Lúc này, chị H ở trong nhà nhìn thấy T cầm điện thoại của mình nên hô hoán “Trộm, trộm” và chạy đuổi theo. T thấy vậy liền bỏ chạy theo đường tỉnh lộ 392 về hướng thôn Phủ rồi rẽ phải chạy vào đường bên cạnh Trường THPT B, sau đó T chạy vào trốn ở vườn chuối khu dân cư mới thuộc thôn T, xã M, huyện B. Tại đây, T bỏ điện thoại của chị H ra tắt nguồn thì bị ông Ngô Đức K và quần chúng nhân dân đuổi theo đến nơi, phát hiện, bắt giữ và báo Công an xã M đến giải quyết. Cùng ngày, Công an xã M báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B tiếp nhận đối tượng cùng vật chứng của vụ án là 01 chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng có ốp ngoài bằng nhựa trong suốt để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại kết luận số 37/KL-HĐĐG ngày 19/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND huyện B kết luận: Điện thoại Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng của chị H trị giá 7.750.000đ, chiếc ốp nhựa trong suốt trị giá 0 đồng.

Ngày 19/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B trả lại cho chị H chiếc điện thoại cùng chiếc ốp nhựa. Sau khi nhận lại tài sản chị H không yêu cầu, đề nghị gì.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, chị Vũ Thị H đã xuất cảnh sang Nhật Bản lao động vào ngày 28/11/2020. Do đó Tòa án nhân dân (TAND) huyện B đã trả hồ sơ để Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện B chuyển hồ sơ đến VKSND tỉnh Hải Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-P1 ngày 07/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; nhất trí với tội danh, điều luật mà VKSND tỉnh Hải Dương đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị HĐXX: Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Về hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 ; điểm s, h khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 26 đến 29 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/10/2020. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng: Không phải giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Trong quá trình xét xử chị Vũ Thị H đã xuất cảnh sang Nhật Bản, do vậy thẩm quyền giải quyết thuộc về TAND tỉnh Hải Dương là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 268 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 18/10/2020, tại quán bán hàng của gia đình bà Lê Thị C ở thôn T, xã M, huyện B, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở của chị Vũ Thị H là con dâu bà C trong việc quản lý tài sản, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Vũ Thị H 01 chiếc điện thoại Iphone 8 Plus 64Gb màu vàng cùng ốp lưng nhựa trong suốt trị giá 7.750.000đ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích trộm cắp điện thoại để bán lấy tiền tiêu dùng cá nhân nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhiều tiền án tại các bản án: Bản án số 31/2016/HS-ST ngày 09/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt T 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 24/2019/HS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt T 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 02/2019/HS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, xử phạt T 13 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã xác định bị cáo “Tái phạm”. Như vậy, bị cáo là đối tượng đang tái phạm, chưa được xóa án tích, lại thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do vậy VKSND tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 7.750.000đ định lượng tài sản chiếm đoạt thuộc khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, nhưng do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên bị xét xử theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, điện thoại đã được thu, trả lại ngay cho bị hại, nên xác định gây thiệt hại không lớn. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Bị cáo T là người có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về hành vi Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, nhưng vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do vậy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đảm bảo tác dụng giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án là chị Vũ Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự trong vụ án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Ngày 19/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B trả lại cho chị H chiếc điện thoại cùng chiếc ốp nhựa là phù hợp, nên không phải giải quyết về vật chứng.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/10/2020.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - Công an huyện B;
- Cơ quan THAHS - CA huyện B;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(ĐÃ KÝ)**

**Vũ Thị Yến**

